

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2021/DS-PT
Ngày: 26-02-2021
V/v tranh chấp hụi

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Tuấn

Các Thẩm phán:

1. Ông Lưu Văn Uẩn

2. Bà Đinh Thị Ngọc Yến

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Đan Thanh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Duyên – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 592/2020/TLPT-DS ngày 01 tháng 12 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng góp hụi”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 50/2020/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 589/2020/QĐ-PT ngày 14 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Đan N, sinh năm 1978.

Nơi cư trú: Số 52, ấp S, xã T, thị xã K, tỉnh Long An.

2. *Bị đơn:* Bà Lê Thị Lý B, sinh năm 1980.

Nơi cư trú: Số 142, ấp S, xã T, thị xã K, tỉnh Long An.

3. *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Ông Hà Thanh P, sinh năm 1977.

Nơi cư trú: Số 142, ấp S, xã T, thị xã K, tỉnh Long An.

4. *Người kháng cáo:* Bị đơn là bà Lê Thị Lý B.

(Bà N và bà B có mặt;

Ông P vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Trong đơn khởi kiện ngày 07/7/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là Nguyễn Đan N trình bày:*

Bà N yêu cầu bà Lê Thị Lý B và ông Hà Thanh P trả số tiền nợ hui là 161.000.000 đồng của 09 dây hui mở vào các ngày âm lịch (gồm dây mở ngày 15/01/2017, dây mở ngày 05/4/2017, dây ngày 25/5/2017, dây mở ngày 15/9/2017, dây mở ngày 30/10/2017, dây mở ngày 10/01/2018, dây mở ngày 10/6/2017, dây mở ngày 25/02/2017 và dây mở ngày 10/7/2017).

Căn cứ khởi kiện:

Bà N làm chủ hui của 09 dây hui nêu trên, bà Lê Thị Lý B là hui viên có tham gia 09 dây hui lấy tên là P. Các dây hui trên tổ chức cho đến khi mãn hui (không bị bể hui). Bà B đã hốt hui nhưng chưa đóng đầy đủ tiền hui đến khi mãn nên bà phải đóng thay cho bà B. Trước đây bà đã khởi kiện bà B và ông P đến Tòa án, tại thời điểm khởi kiện thì các dây hui chưa mãn nên bà chỉ mới yêu cầu đến thời điểm khởi kiện và được Tòa án chấp nhận bằng bản án số 172/2020/DSPT của Tòa án nhân dân tỉnh Long An. Nay các dây hui đã mãn, bà B còn thiếu tiền hui chưa đóng cho bà (trong thời gian còn lại chưa khởi kiện cho đến khi mãn hui), tổng cộng số tiền thiếu là 161.000.000 đồng, cụ thể:

1. Hui mở ngày 15/01/2017 âm lịch: gồm 02 dây, mỗi dây 24 phần, mỗi phần 1.000.000 đồng/tháng, hui đến ngày 15/12/2018 âm lịch là mãn hui, bà B tham gia mỗi dây 01 phần. Bà B đóng hui sống cả 02 dây hui được 09 kỳ, đến kỳ thứ 10 (tức ngày 15/10/2017 âm lịch) thì lãnh hui cả 02 dây. Sau khi lãnh hui, bà B không đóng hui nên bà đã khởi kiện yêu cầu trả tiền hui mà bà đã đóng thay đến ngày 15/9/2018 âm lịch và được Tòa án chấp nhận. Thời gian từ 15/10/2018 âm lịch đến khi mãn hui (ngày 15/12/2018 âm lịch) chưa đóng, thành tiền là $3 \text{ kỳ} \times 2 \text{ dây} \times 1.000.000\text{đ} = 6.000.000 \text{ đồng}$.

2. Hui mở ngày 05/4/2017 âm lịch: 01 dây, gồm 25 phần (25 người), hui 1.000.000 đồng/phần/tháng đến ngày 05/4/2019 âm lịch thì mãn. Bà B tham gia 02 phần, đã hốt cả 02 vào kỳ thứ 4 (tháng 7/2017) và kỳ thứ 8 (tháng 11/2017). Hiện nay còn lại chưa đóng hui chết từ tháng 11/2018 đến tháng 4/2019 âm lịch cả 02 dây là: $06 \text{ kỳ} \times 02 \text{ phần} \times 1.000.000 \text{ đồng} = 12.000.000 \text{ đồng}$.

3. Hui mở ngày 25/5/2017 âm lịch: 01 dây, gồm 25 người tham gia, hui 1.000.000 đồng/phần/tháng, đến ngày 25/5/2019 âm lịch là mãn. Bà B tham gia 02 phần, đã hốt vào kỳ thứ 6 (25/10/2017) và kỳ thứ 9 (25/01/2018). Hiện còn lại chưa đóng hui chết từ tháng 10/2018 đến khi mãn hui là 08 kỳ, thành tiền: $8 \text{ kỳ} \times 02 \text{ phần} \times 1.000.000 \text{ đồng} = 16.000.000 \text{ đồng}$.

4. Hui mở ngày 15/9/2017 âm lịch: Gồm 02 dây, mỗi dây 22 phần, hui 1.000.000 đồng/phần/tháng, ngày mãn hui là 15/6/2019 âm lịch. Bà B tham gia mỗi dây 01 phần. Bà B đã hốt hui cả 02 dây vào kỳ thứ 5 (15/01/2018). Hiện còn lại chưa đóng hui chết từ tháng 11/2018 đến tháng 6/2019 là 08 kỳ, thành tiền $8 \text{ kỳ} \times 02 \text{ phần} \times 1.000.000 \text{ đồng} = 16.000.000 \text{ đồng}$.

5. Hội mở ngày 30/10/2017 âm lịch: 02 dây, mỗi dây 22 người tham gia (22 phần), hội 1.000.000 đồng/phần/tháng, ngày mãn hội là 7/2019 âm lịch. Bà B tham gia mỗi dây 01 phần. Sau đó Bà B đã hốt hội cả 02 dây vào kỳ thứ 7 (tháng 4/2018), Bà B còn nợ lại chưa đóng hội chết từ tháng 10/2018 đến tháng 7/2019 âm lịch à 10 kỳ, thành tiền: 10 kỳ x 02 phần x 1.000.000 đồng = 20.000.000 đồng.

6. Hội mở ngày 10/01/2018 âm lịch: 02 dây, mỗi dây 22 người tham gia (22 phần), 1.000.000 đồng/phần/tháng, đến ngày 10/10/2019 âm lịch là mãn. Bà B tham gia mỗi dây 01 phần, và hốt hội ào kỳ thứ 2 (tháng 02/2018). Còn lại từ tháng 11/2018 đến tháng 10/2019 âm lịch chưa đóng hội chết là 12 kỳ, thành tiền 12 kỳ x 2 phần x 1.000.000 đồng = 24.000.000 đồng.

7. Hội mở ngày 10/6/2017 âm lịch: 01 dây, gồm 25 người tham gia (25 phần), hội 2.000.000 đồng/phần/tháng, đến ngày 10/6/2019 là mãn. Bà B tham gia 02 phần, đến kỳ thứ 4 (tháng 9/2017) thì hốt hội. Hội đến nay đã mãn, hiện còn lại chưa đóng hội chết từ tháng 11/2018 đến 6/2019 âm lịch là 08 kỳ, thành tiền 08 kỳ x 02 phần x 2.000.000 đồng = 32.000.000 đồng.

8. Hội mở ngày 25/02/2017 âm lịch: 01 dây gồm 12 người tham gia (12 phần), hội 5.000.000 đồng/phần, 02 tháng hốt 01 lần, đến ngày 25/11/2018 là mãn. Bà B tham gia 01 phần đóng hội đến kỳ thứ 6 (tháng 11/2017) thì hốt hội. Nay hội đã mãn, bà B còn nợ chưa đóng hội chết là 01 kỳ, thành tiền là 5.000.000 đồng.

9. Hội mở ngày 10/7/2017 âm lịch: 01 dây, gồm 12 người tham gia (12 phần) hội 5.000.000 đồng/phần, 03 tháng hốt 01 lần, hội đến ngày 10/4/2020 thì mãn. Bà B tham gia 01 phần, đóng hội đến kỳ thứ 4 thì hốt. Đến nay hội đã mãn, Bà B chưa đóng hội chết là 06 kỳ tính từ tháng 1/2019 đến tháng 4/2020 âm lịch, thành tiền là 6 kỳ x 01 phần x 5.000.000 đồng = 30.000.000 đồng.

**Bị đơn là bà Lê Thị Lý B trình bày:* Trước đây bà B có tham gia các dây hội do bà N làm chủ hội, tuy nhiên số tiền nợ hội đã được giải quyết bằng bản án phúc thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Long An theo bản án số 172/2020/DSPT ngày 08/6/2020 xong với số tiền là 150.000.000 đồng (trong bao nhiêu dây hội bà không nhớ). Do đó, bà B không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà N về yêu cầu trả số tiền nợ hội 161.000.000 đồng. Bà B không còn đóng tiền hội cho bà N từ tháng 5/2018 đến nay.

**Bị đơn là ông Hà Thanh P vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết và không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của bà N.*

Vụ án được Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 50/2020/DS-ST ngày 30/9/2020, Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường đã căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 274, 275, 288, 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ “Về họ, hội, biểu, phường”; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14

ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Đan N về tranh chấp hợp đồng góp hụi với bà Lê Thị Lý B và ông Hà Thanh P.

Buộc bà Lê Thị Lý B và ông Hà Thanh P có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho bà Nguyễn Đan N số tiền nợ hụi là 161.000.000 đồng.

Trường hợp bên phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ thì kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí: Bà Lê Thị Lý B và ông Hà Thanh P phải chịu 18.050.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm; Bà Nguyễn Đan N không phải chịu án phí, hoàn trả cho bà N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.025.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009326 ngày 16/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Kiến Tường.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án và thời hiệu thi hành án theo Luật Thi hành án dân sự.

Tại Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án dân sự sơ thẩm số 20/2020/QĐ-SCBSBA ngày 13/10/2020, Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường quyết định sửa chữa nhầm lẫn, sai sót về án phí như sau:

“...Bà Lê Thị Lý B và ông Hà Thanh P phải chịu 18.050.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm...”.

Nay sửa chữa, bổ sung như sau:

“...Bà Lê Thị Lý B và ông Hà Thanh P phải chịu 8.050.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm...”.

Ngày 12/10/2020, bị đơn là bà Lê Thị Lý B kháng cáo không đồng ý bản án dân sự sơ thẩm, cụ thể: Bà B không đồng ý trả cho bà Nguyễn Đan N số tiền 161.000.000 đồng vì bà B không còn nợ bà N tiền nợ hụi này.

Nhận thấy, tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, người kháng cáo không rút yêu cầu kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa phát biểu:*

- Ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử phúc thẩm nghị án, Thẩm phán – Chủ tọa

phiên tòa, thành viên Hội đồng xét xử phúc thẩm, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Những người tham gia tố tụng thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Đơn kháng cáo của bà Lê Thị Lý B thực hiện đúng về hình thức, nội dung và thời hạn theo quy định tại các Điều 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên vụ án được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Về nội dung:

Nguyên đơn bà N yêu cầu bà B và ông P liên đới trả số tiền nợ hui là 161.000.000 đồng của 09 dây hui. Trước đây bà N đã khởi kiện bà B và ông P đến Tòa án, tại thời điểm khởi kiện thì các dây hui chưa mãn nên bà chỉ mới yêu cầu đến thời điểm khởi kiện và được Tòa án chấp nhận bằng bản án số 172/2020/DSPT của Tòa án nhân dân tỉnh Long An. Nay các dây hui đã mãn, bà B còn thiếu tiền hui chưa đóng cho bà (trong thời gian còn lại chưa khởi kiện cho đến khi mãn hui), tổng cộng số tiền thiếu là 161.000.000 đồng, cụ thể:

- Hui mở ngày 15/01/2017 âm lịch: còn nợ 03 kỳ của 2 dây hui từ 15/10/2018 âm lịch đến khi mãn hui (ngày 15/12/2018 âm lịch), thành tiền là 3 kỳ x 2 dây x 1.000.000đ = 6.000.000 đồng.

- Hui mở ngày 05/4/2017 âm lịch: còn nợ 06 kỳ của 02 phần hui từ tháng 11/2018 đến tháng 4/2019 âm lịch, thành tiền là 06 kỳ x 02 phần x 1.000.000 đồng = 12.000.000 đồng.

- Hui mở ngày 25/5/2017 âm lịch: còn nợ 08 kỳ của 02 phần hui từ tháng 10/2018 đến 25/5/2019 âm lịch, thành tiền: 8 kỳ x 02 phần x 1.000.000 đồng = 16.000.000 đồng

- Hui mở ngày 15/9/2017 âm lịch: còn nợ 08 kỳ của 02 dây hui từ tháng 11/2018 đến tháng 6/2019, thành tiền: 8 kỳ x 02 phần x 1.000.000 đồng = 16.000.000 đồng.

- Hui mở ngày 30/10/2017 âm lịch: còn nợ 10 kỳ của 02 dây hui từ tháng 10/2018 đến tháng 7/2019 âm lịch, thành tiền: 10 kỳ x 02 phần x 1.000.000 đồng = 20.000.000 đồng.

- Hui mở ngày 10/01/2018 âm lịch: còn nợ 12 kỳ của 02 dây hui từ tháng 11/2018 đến tháng 10/2019 âm lịch, thành tiền 12 kỳ x 2 phần x 1.000.000 đồng = 24.000.000 đồng.

- Hui mở ngày 10/6/2017 âm lịch: còn nợ 08 kỳ của 02 dây hui từ tháng 11/2018 đến 6/2019 âm lịch, thành tiền 08 kỳ x 02 phần x 2.000.000 đồng = 32.000.000 đồng.

- Hui mở ngày 25/02/2017 âm lịch: còn nợ 01 kỳ, thành tiền là 5.000.000 đồng.

- Hui mở ngày 10/7/2017 âm lịch: còn nợ 06 kỳ từ tháng 1/2019 đến tháng 4/2020 âm lịch, thành tiền là 6 kỳ x 01 phần x 5.000.000 đồng = 30.000.000 đồng.

Ngoài ra căn cứ vào lời trình bày của những người làm chứng gồm ông Trần Minh Q, bà Đặng Thị Diệu H, bà Đào Thị Kim T, bà Phạm Thị T, bà Võ Thị T, bà Tống Thị Ngọc H và bà Nguyễn Ngọc T xác nhận các ông bà có tham gia các dây hui chung với bà B. Các hui viên đều đóng hui cho đến khi mãn, có lãnh đủ hui chứ không bị bể hui. Bà N là chủ hui do bà B không đóng hui nên bà N phải nộp thay phần hui của bà B. Phía bà B cũng thừa nhận từ tháng 5/2018 đến nay không còn đóng hui cho bà N. Do đó bà B kháng cáo là không có cơ sở chấp nhận.

Từ ý kiến và quan điểm trên, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Lê Thị Lý B, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ, vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến và quan điểm của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bà Lê Thị Lý B thực hiện đúng về hình thức, nội dung và thời hạn theo quy định tại các Điều 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên vụ án được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về thủ tục xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Do ông Hà Thanh P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt ông P.

[3] Về việc bà Lê Thị Lý B kháng cáo không đồng ý trả cho bà Nguyễn Đan N số tiền 161.000.000 đồng vì bà B không còn nợ bà N tiền nợ hui này:

Xét việc bà B kháng cáo không đồng ý trả cho bà Nguyễn Đan N 161.000.000 đồng tiền nợ hui là không có cơ sở, bởi lẽ: Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 172/2020/DS-PT ngày 08/6/2020, Tòa án nhân dân tỉnh Long An xác định bà B có tham gia các dây hui do bà N làm chủ hui, đã lãnh hui nhưng chưa đóng hui đầy đủ cho bà N nên buộc trả tiền hui, cụ thể: Dây hui ngày 15/01/2017 buộc bà B và ông P trả tiền nợ hui từ ngày 15/6/2018 đến ngày 15/9/2018; Dây hui ngày 05/4/2017 buộc trả từ tháng 6/2018 đến tháng 10/2018; Dây hui ngày 25/5/2017 buộc trả từ tháng 5 đến tháng 9/2018; Dây hui ngày 15/9/2017 buộc trả từ tháng 6 đến tháng 10/2018; Dây hui ngày 30/10/2017 buộc trả từ tháng 5 đến tháng 9/2018; Dây hui ngày 10/01/2018 buộc trả từ tháng 6 đến tháng 10/2018; Dây hui ngày 10/6/2017 buộc trả từ tháng 6 đến tháng 10/2018; Dây hui ngày 25/02/2017 buộc trả từ tháng 5/2018 đến tháng

9/2018 (03 kỳ); Dây hụi ngày 10/7/2017 buộc trả từ tháng 7 đến tháng 10/2018 (02 kỳ).

Căn cứ vào lời trình bày của những người làm chứng là các hụi viên chơi các dây hụi trên gồm: Ông Trần Minh Q (Đ), bà Đặng Thị Diệu H, bà Đào Thị Kim T, bà Phạm Thị T, bà Võ Thị Thanh Tuyết, bà Tống Thị Ngọc H, bà Nguyễn Ngọc T đều xác nhận các ông bà và bà B có tham gia chơi các dây hụi trên. Các hụi viên này xác định đã đóng các dây hụi trên cho đến khi mãn hụi chứ không có bể hụi, đã hốt hụi và đóng hụi đầy đủ theo đúng như thỏa thuận lúc tham gia chơi hụi.

Do bà B hốt hụi nhưng không đóng hụi chết nên bà N đã đóng choàng cho bà B. Tại phiên tòa sơ thẩm, bà B cũng thừa nhận không còn đóng hụi chết cho bà N từ tháng 5/2018 Âm lịch cho đến nay. Như vậy, trên cơ sở đối chiếu khoảng thời gian đối với các phần hụi mà bà B phải trả cho bà N theo Bản án dân sự phúc thẩm số 172/2020/DS-PT ngày 08/6/2020 nói trên với thời gian mãn hụi thì có căn cứ xác định bà B còn nợ bà N tiền hụi chết trong các dây hụi cụ thể như sau:

1. Dây hụi tháng khui ngày 15/01/2017 Âm lịch: Bà B chơi 02 phần, mỗi phần 1.000.000 đồng, còn nợ 03 tháng hụi chết, mỗi tháng 02 phần (tính từ tháng 10/2018 Âm lịch đến tháng 12/2018 Âm lịch), thành tiền là: 1.000.000 đồng/phần/tháng x 02 phần x 03 tháng = 6.000.000 đồng.

2. Dây hụi khui ngày 05/4/2017 Âm lịch: Bà B chơi 02 phần, mỗi phần 1.000.000 đồng, còn nợ 06 tháng hụi chết, mỗi tháng 02 phần (tính từ tháng 11/2018 Âm lịch đến tháng 4/2019 Âm lịch, thành tiền là : 1.000.000 đồng/phần/tháng x 02 phần x 06 tháng = 12.000.000 đồng.

3. Dây hụi tháng khui ngày 25/5/2017 Âm lịch: Bà B chơi 02 phần, mỗi phần 1.000.000 đồng, còn nợ 08 tháng hụi chết, mỗi tháng 02 phần (tính từ tháng 10/2018 Âm lịch đến 25/5/2019 Âm lịch, thành tiền là: 1.000.000 đồng/phần/tháng x 02 phần x 08 tháng = 16.000.000 đồng.

4. Dây hụi khui ngày 15/9/2017 Âm lịch: Bà B chơi 02 phần, mỗi phần 1.000.000 đồng, còn nợ 08 tháng hụi chết, mỗi tháng 02 phần (tính từ tháng 11/2018 Âm lịch đến tháng 6/2019 Âm lịch, thành tiền là: 1.000.000 đồng/phần/tháng x 02 phần x 08 tháng = 16.000.000 đồng

5. Dây hụi khui ngày 30/10/2017 Âm lịch: Bà B chơi 02 phần, mỗi phần 1.000.000 đồng, còn nợ 10 tháng hụi chết, mỗi tháng 02 phần (tính từ tháng 10/2018 Âm lịch đến tháng 7/2019 Âm lịch, thành tiền là: 1.000.000 đồng/phần/tháng x 02 phần x 10 tháng = 20.000.000 đồng

6. Dây hụi tháng khui ngày 10/01/2018 Âm lịch: Bà B chơi 02 phần, mỗi phần 1.000.000 đồng, còn nợ 12 tháng hụi chết, mỗi tháng 02 phần (tính từ tháng 11/2018 Âm lịch đến tháng 10/2019 Âm lịch), thành tiền là: 1.000.000 đồng/phần/tháng x 02 phần x 12 tháng = 24.000.000 đồng

7. Dây hụi khui ngày 10/6/2017 Âm lịch: Bà B chơi 02 phần, mỗi phần

2.000.000 đồng, còn nợ 08 tháng hui chết, mỗi tháng 02 phần (tính từ tháng 11/2018 Âm lịch đến tháng 06/2019 Âm lịch), thành tiền là: 2.000.000 đồng/phần/tháng x 02 phần x 08 tháng = 32.000.000 đồng

8. Dây hui khui ngày 25/02/2017 Âm lịch: Bà B chơi 01 phần, mỗi phần 5.000.000 đồng, còn nợ 01 tháng hui chết, thành tiền là: 5.000.000 đồng/phần/tháng x 01 phần x 01 tháng = 5.000.000 đồng

9. Dây hui khui ngày 10/7/2017 Âm lịch: Bà B chơi 01 phần, mỗi phần 5.000.000 đồng, còn nợ 06 tháng hui chết (tính từ tháng 11/2019 Âm lịch đến tháng 4/2020 Âm lịch), thành tiền là: 5.000.000 đồng/phần/tháng x 01 phần x 06 tháng = 30.000.000 đồng

Tổng các khoản nợ hui trên là: 161.000.000 đồng.

Do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm đã xử buộc bà B và ông P có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho bà N tổng cộng 161.000.000 đồng tiền nợ hui chết là đúng theo quy định tại Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, hui, biêu, phường.

[4] Từ nhận định ở đoạn [3], Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Lê Thị Lý B, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm như đề nghị của Kiểm sát viên. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa cách tuyên án để đảm bảo việc thi hành án.

[5] Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại các Điều 147, 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 26, 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bà Nguyễn Đan N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận toàn bộ.

Bà Lê Thị Lý B và ông Hà Thanh P phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà N được chấp nhận là: 05% x 161.000.000 đồng = 8.050.000 đồng.

Bà Lê Thị Lý B phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Lê Thị Lý B.

- Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 50/2020/DS-ST ngày 30/9/2020 của Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An.

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về hộ, hội, biểu, phường; các Điều 26, 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Đan N về việc yêu cầu bà Lê Thị Lý B và ông Hà Thanh P có nghĩa vụ liên đới trả tiền nợ hội.

Buộc bà Lê Thị Lý B và ông Hà Thanh P có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho bà Nguyễn Đan N 161.000.000 đồng (*Một trăm sáu mươi mốt triệu đồng*) tiền nợ hội.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà Lê Thị Lý B và ông Hà Thanh P phải liên đới nộp 8.050.000 đồng (*Tám triệu không trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Đan N 4.025.000 đồng (*Bốn triệu không trăm hai mươi lăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí 0009326 ngày 16/7/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Kiến Tường.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Buộc bà Lê Thị Lý B phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự phúc thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0009447 ngày 20/10/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Kiến Tường nên không phải nộp tiếp.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND thị xã Kiến Tường;
- Chi cục THADS thị xã Kiến Tường;
- Các đương sự;
- Lưu HS; AV./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Minh Tuấn